

Bản án số: 89/2020/HS-ST
Ngày 25 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Cư

Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Đan N; sinh năm 1996, tại Long An; nơi cư trú: 35/35/14 C, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị Kim L; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2020 đến nay (có mặt).

Bị hại: Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1961; nơi cư trú: 1507/22A P, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 15 phút, ngày 05/01/2020, Trương Võ Minh T điều khiển xe gắn máy hiệu Luvias biển số 59D2-210.52 chở Phan Đan N đi đến trước nhà số 1491/40/1 P, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, lúc này T nhìn thấy bà Bùi Thị Thu H và ông Trần Văn Đ đang đi bộ, trên cổ bà H có đeo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng nên T rủ và N đồng ý cướp giật sợi dây chuyền. Thực hiện ý định, T điều khiển xe

chạy áp sát, để N ngồi sau dùng tay giật đứt sợi dây chuyền của bà H, sau đó T tăng ga bỏ chạy đến trước nhà số 1491/18/8 P, Phường 6, Quận 8 thì cả hai bị ngã xe. Bị giật tài sản, bà H truy hô cùng quần chúng nhân dân bắt giữ được Phạm Đan N và vật chứng là sợi dây chuyền, còn T bỏ lại xe gắn máy biển số 59D2-210.52 chạy bộ trốn thoát. Vụ việc được đưa về trụ sở Công an Phường 6, Quận 8 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó chuyển giao đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra, làm rõ.

Ngày 25/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng, có trọng lượng 5,122 chỉ, hàm lượng vàng 61,49% và 01 mặt dây chuyền vàng có trọng lượng 1,386 chỉ, hàm lượng vàng 61,39% có tổng giá trị là 17.148.580 đồng. Bà Bùi Thị Thu H khai sợi dây chuyền nói trên là tài sản cá nhân của bà, ngày 27/3/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bà H, đồng thời bà H không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Phạm Đan N về hành vi “Cướp giật tài sản”. Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi nói trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Qua xác minh, xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias biển số 59D2-210.52 do anh Phan Văn S, sinh năm 1985; cư trú tại: 400/4L T, Phường 13, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký, nhưng hiện anh Sáng không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng đến nay chưa có kết quả.

Tại bản Cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 10/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Đan N về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Đan N về tội “Cướp giật tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về vật chứng thu giữ, đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 07 giờ 15 phút, ngày 05/01/2020, tại trước nhà số 1491/40/1 P, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Đan N và đối tượng Trương Võ Minh T có hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng, có trọng lượng 5,122 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng có trọng lượng 1,386 chỉ, có tổng giá trị là 17.148.580 đồng của bà Bùi Thị Thu H, rồi nhanh chóng tẩu thoát nhưng sau đó bị phát hiện, bắt quả tang. Bị cáo và T sử dụng xe gắn máy làm phương tiện phạm tội, đây là tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”.

[3] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phạm Đan N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) do bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong vụ án này tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, thuộc trường hợp “*Phạm*

tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nên ngoài tình tiết “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo.

[8] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đầu cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 sợi dây chuyền vàng, có trọng lượng 5,122 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng có trọng lượng 1,386 chỉ là tài sản bị chiếm đoạt, đã được thu hồi trả cho bị hại, đồng thời bị hại cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias biển số 59D2-210.52, bị cáo cùng đối tượng tên Trương Võ Minh T dùng làm phương tiện phạm tội. Do chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên cần tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp xe trên trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[12] Bị cáo Ninh khai vào ngày 05/01/2020, Trương Võ Minh T là người dùng xe gắn máy biển số 59D2-210.52 chở bị cáo để bị cáo ngồi sau dùng tay giật dây chuyền của bị hại. Do vẫn chưa truy tìm được T, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý nên không đề cập giải quyết.

[13] Về án phí hình sự: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Đan N 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2020.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 221, 228 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục tạm giữ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng thời hạn 01 năm tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của 01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias, màu đỏ đen biển số: 59D2-210.52, số máy: 44S1009046, số khung: RLCL44S10AY009045, nếu hết thời hạn trên không tìm được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 62/PNK ngày 24/3/2020)

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Đan N nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh